

Bản án số: 124/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9- 2022

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Năng

2/ Ông Phan Hữu Trí

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà Lê Kim L, sinh năm: 1977(có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 12, ấp ấp Bình A, xã A, huyện C, An Giang.

2.*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1977(có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 12, ấp Bình A, xã A, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 17/8/2022, nguyên đơn bà Lê Kim L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn T quen biết, tìm hiểu nhau và cùng thống nhất đi đến hôn nhân vào năm 2000, chúng tôi có tổ chức cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, mâu thuẫn xảy ra không hàn gắn được, vợ chồng không sống chung từ lâu nhưng chính thức ly thân được gần hơn tháng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và kéo dài thêm nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thành S, sinh năm: 2003, cháu Nguyễn Ngọc M, sinh năm 2005. Hiện cháu S đã trưởng thành, còn cháu M

đang sống với bà, sau ly hôn bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/8/2022, biên bản hòa giải ngày 22/8/2022 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày

-Về hôn nhân: Tôi và bà Lê Kim L kết hôn với nhau vào năm 2000, hôn nhân do quen biết, tự nguyện sống chung như vợ chồng có tổ chức cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn Nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau nữa. Nên chúng tôi luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm không hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm chúng tôi bị rạn nứt, do mâu thuẫn ngày càng nhiều không hòa giải được, chúng tôi không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc dài lâu được nữa. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà Lê Kim Loan tôi đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thành S, sinh năm: 2003, cháu Nguyễn Ngọc M, sinh năm 2005. Hiện cháu S đã trưởng thành, còn cháu M đang sống với bà, sau ly hôn ông đồng ý cho bà L nuôi cháu M, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Kim L và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2000, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A ngày 16/8/2022 thì sau khi trích lục hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện không có tên trong hồ sơ đăng ký kết hôn của bà L và ông T. Từ xác nhận trên cho thấy hôn nhân giữa bà L và ông T đã không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của bà L và ông T đã vi phạm tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của bà L và ông T không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Kim L và ông Nguyễn Văn T là phù hợp.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thành S, sinh 2003 và cháu Nguyễn Ngọc M, sinh năm 2005; Hiện cháu S đã trưởng thành. Còn cháu M đang sống với bà L, sau ly hôn bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu M từ nhỏ cho đến nay đều sống với bà L, được bà L chăm sóc ổn định. Còn ông Nguyễn Văn T cũng đồng ý để cháu Nguyễn Ngọc M cho bà L chăm sóc. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để bà L được tiếp tục nuôi cháu M là phù hợp, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Bà L phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi ông thực hiện quyền này.

[3] Về tài sản và nợ chung: Bà Lê Kim L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Lê Kim L được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim L. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Kim L và ông Nguyễn Văn T.

2.Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thành S, sinh 2003 và cháu Nguyễn Ngọc M, sinh năm 2005; Hiện cháu S đã trưởng thành. Còn cháu M sau ly hôn bà L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà L phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu, không ai được cản trở khi ông thực hiện quyền này.

3.Về tài sản và nợ chung: Bà Lê Kim L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Kim L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005487 ngày 17/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành

5.Về kháng cáo: Bà Lê Kim L và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2022).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung